**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

***(Quý III/ 2024)***

**1. Thông tin chung về Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN (DFVN – FIX)**

**1.2. Mục tiêu của Quỹ:**

Quỹ hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

**1.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 2.66% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

**1.3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục bao gồm tín phiếu, trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

**Tài sản được phép đầu tư:**

* Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
* Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
* Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
* Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
* Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:
* Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; có quy định tại Bản cáo bạch;
* Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
* Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
* Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

**1.4. Phân loại Quỹ:**

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

**1.5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6. Mức độ rủi ro ngắn hạn:**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp

**1.7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 04 tháng 02 năm 2021

**1.8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, số lượng chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 6.598.800,77 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 65.988.007.700 Đồng Việt Nam (“VND”).

**1.9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu

**1.10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có thu nhập cố định với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

* Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
* Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
* Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
* Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

**1.11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ:**

Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**2. Số liệu hoạt động**

**2.1. Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/09/2024****(%)** | **30/09/2023****(%)** | **30/09/2022****(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán cơ cấu | 30,17 | 39,35 | 40,08 |
| 2.Tiền và tương đương tiền | 7,54 | 9,58 | 1,91 |
| 3.Tài sản khác | 62,29 | 51,07 | 58,01 |
| **Cộng** | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

**2.2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/09/2024** | **30/09/2023** | **30/09/2022** |
| 1. NAV của Quỹ (VND) |  74.324.872.926  |  68.360.706.614  |  63.627.043.737  |
| 2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng) |  6.598.800,77  |  6.201.846,11  |  6.204.137,40  |
| 3. NAV của một đơn vị CCQ (VND) |  11.263,39  |  11.022,63  |  10.255,58  |
| 4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) |  11.285,81  |  11.036,60  |  10.313,19  |
| 5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) |  11.192,51  |  10.522,10  |  10.157,49  |
| 6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%) | 0,61 | 3,82 | 0,30 |
| 9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 12.Ngày chốt quyền  | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1,66 | 2,17 | 2,23 |
| 14.Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 18,46 | 0,00 | 0,00 |

**2.3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| - 1 năm | 2,18 | 2,18 |
| - 3 năm | 11,96 | 3,83 |
| - Từ khi thành lập | 12,63 | 3,31 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **30/09/2024****(%)** | **30/09/2023****(%)** | **30/09/2022****(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng /01 đơn vị CCQ (%) | 2,18 | 7,48 | 1,94 |

**3. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Kinh tế quý 3 năm 2024 diễn ra trong bối cảnh thế giới còn nhiều bất ổn kéo dài từ năm 2023, một bức tranh đan xen sáng tối, và khó đoán định. Xung đột Nga - Ukraine chưa kết thúc, căng thẳng Trung Đông tiếp diễn với các diễn biến ngày càng phức tạp. Tuy nhiên điều tích cực là FED quyết định cắt giảm lãi suất từ tháng 9, trong khi Trung Quốc công bố các chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế.

Trong nước, Chính phủ đã đẩy mạnh nhiều biện pháp kích thích kinh tế như giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ tín dụng, ổn định ngoại hối, và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Tuy nhiên, khả năng hấp thụ vốn tín dụng của nền kinh tế còn thấp do nhu cầu mở rộng kinh doanh yếu, thị trường bất động sản vẫn khó khăn. Bên cạnh đó, bão Yagi ở khu vực phía bắc đã ảnh hưởng khá lớn đến đời sống người dân và hoạt động sản xuất ở nhiều tỉnh thành.

Mặc dù bối cảnh thách thức, các cân đối vĩ mô được duy trì ổn định. GDP quý 3/2024 ước tính tăng 7,40% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,58%, chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ năm 2021 trong giai đoạn 2020-2024, đóng góp 4,08% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,11%, đóng góp 48,88%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo là điểm sáng của nền kinh tế với tốc độ tăng 11,41%, đây là mức tăng cao nhất của cùng kỳ các năm trong 6 năm gần đây.

Xuất khẩu trong quý 3 tiếp tục là điểm sáng với giá trị ước đạt 108,6 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 10,6% so với quý 2 năm 2024. Nhập khẩu đạt 99,74 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 6,1% so với quý trước. Chỉ số PMI tháng 9/2024 tăng mạnh lên 47,3 do ảnh hưởng từ bão Yagi, sau khi liên tục 5 tháng phục hồi ở trên mức 50, cho thấy điều kiện sản xuất cải thiện trong phần lớn của Quý 3.

FDI tiếp tục ổn định, với tổng vốn đăng ký đạt 24,78 tỷ USD (tăng 22,6%) và vốn thực hiện đạt 17,33 tỷ USD (tăng 8,9%). Lạm phát nửa đầu năm được kiểm soát tốt, CPI bình quân 9 tháng đầu năm tăng 3,88%, thấp hơn mức mục tiêu 4,5% của Chính phủ.

Nhìn chung, quý 3/2024, kinh tế Việt Nam có sự phục hồi và tăng trưởng khá tích cực, đặc biệt trong lĩnh vực ngoại thương và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bên cạnh đó các rủi ro về lạm phát và tỷ giá gần như được gỡ bỏ, Ngân hàng nhà nước có thêm không gian để nới lỏng chính sách tiền tệ và kích thích kinh tế.

Thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào, cùng với chi phí vốn thấp do lãi suất liên tục giảm đã giúp cho thị trường trái phiếu chính phủ sôi động hơn. Tính đến hết tháng 9 năm 2024, kho bạc nhà nước đã phát hành được tổng cộng 271,67 ngàn tỷ đồng TPCP, hoàn thành được 67,9% kế hoạch phát hành cả năm, tính riêng quý 3 khối lượng TPCP phát hành là 115,17 ngàn tỷ đồng, đạt 76,7% kế hoạch quý 3. Trong khi đó thị trường trái phiếu doanh nghiệp có dấu hiệu phục hồi trở lại, tính đến ngày công bố thông tin 30/09/2024, có 24 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trị giá 22,33 ngàn tỷ đồng và 1 đợt phát hành ra công chúng trị giá 1,46 ngàn tỷ đồng trong tháng 9/2024. Lũy kế từ đầu năm đến nay, có 268 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 250,39 ngàn tỷ đồng và 15 đợt phát hành ra công chúng trị giá 27,05 ngàn tỷ đồng. (Nguồn: VBMA)

**4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 2,18 | 11,96 | 12,63 |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 2,18 | 3,83 | 3,31 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (\*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (\*\*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường.

● Thay đổi NAV:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 30/09/2024 | 30/09/2023 | Tỷ lệ thay đổi (%) |
| NAV của Quỹ |  74.324.872.926  |  68.360.706.614  | 8,72 |
| NAV trên 1 CCQ (“NAV/CCQ”) |  11.263,39  |  11.022,63  | 2,18 |

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ (%)** |
| Dưới 5,000 | 2.442 | 453.530,41 | 6,87 |
| Từ 5,000 – dưới 10,000 | 9 | 69.841,89 | 1,06 |
| Từ 10,000 – dưới 50,000 | 4 | 75.428,47 | 1,14 |
| Từ 50,000 – dưới 500,000 | 0 | 0,00 | 0,00 |
| Từ 500,000 | 1 | 6.000.000,00 | 90,93 |
| **Tổng cộng** | **2.456** | **6.598.800,77** | **100,00** |

**4.3.** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.

**5. Thông tin về triển vọng thị trường**

Thị trường Trái phiếu Chính phủ (TPCP) đóng vai trò then chốt trên thị trường Trái phiếu, và là kênh huy động vốn quan trọng của Nhà nước cho nhu cầu vốn ngân sách Nhà nước, giải ngân đầu tư công.

Sau khi FED và các ngân hàng Trung ương toàn cầu đã bắt đầu chính sách nới lỏng và cắt giảm lãi suất từ tháng 9, Ngân hàng nhà nước đã có những động thái điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng thêm và thúc đẩy chính sách tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ theo mục tiêu 15% cả năm 2024. Ngoài ra với áp lực tỷ giá không còn, Ngân hàng Nhà nước đã ngừng phát hành tín phiếu, hạ lãi suất OMO và bơm ròng ra hệ thống nhằm duy trì mặt bằng lãi suất thấp, hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống và tạo điều kiện cho hoạt động tín dụng. Thanh khoản hệ thống dư thừa, cùng với nhu cầu đầu tư các tài sản có tính thanh khoản cao, đồng thời chính sách thúc đẩy đầu tư công sẽ là những động lực giúp cho thị trường trái phiếu chính phủ tiếp tục sôi động trong các tháng còn lại của năm 2024.

Riêng đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp sau giai đoạn niềm tin suy giảm kết hợp với thanh khoản dòng tiền trả nợ trái phiếu của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn đã khiến thị trường này gia tăng rủi ro, tuy nhiên đã có tín hiệu cho thấy xu hướng trở lại của hoạt động phát hành mới từ cuối Quý 3 năm 2023. Bên cạnh đó thị trường giao dịch thứ cấp trái phiếu doanh nghiệp được vận hành chính thức tại HNX từ ngày 19/7/2023 đã tạo sự thanh khoản trên thị trường, tăng cường tính công khai, minh bạch của thị trường và củng cố niềm tin cho nhà đầu tư, hỗ trợ thị trường này phát triển minh bạch và bền vững hơn trong tương lai.

**6. Thông tin khác**

**6.1. Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ông** **Trần Châu Danh** Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn*** * Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh;
* Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;
* Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Thành phố Hồ Chí Minh;
* Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);
* Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán CMT (Chartered Market Technician);
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Kinh nghiệm làm việc***Ông có trên hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường mới được thành lập. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011.Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, ông Danh từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông Danh có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam). |
| **Ông Fumihiko Kida**Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro | ***Trình độ chuyên môn**** Cử nhân Thương mại, Đại học Doshisha, Nhật Bản;
* Chuyên gia Phân tích (Certified Member Analyst) của Hiệp hội Phân tích Chứng khoán Nhật Bản.

***Kinh nghiệm làm việc***Ông đã có hơn mười bốn (14) năm kinh nghiệm làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm và đầu tư ở nước ngoài. Trước khi sang Việt Nam làm việc tại Công ty, ông từng đảm nhiệm vị trí cấp cao tại Trung tâm Tài chính Doanh Nghiệp của Dai-ichi Life Nhật Bản, phụ trách nghiệp vụ thẩm định tín dụng và cho vay đối với các khoản vay ưu tiên, tài trợ cho vay các thương vụ mua thâu tóm bằng vốn vay và cho vay cấp vốn dựa trên tài sản. Trước đó, ông cũng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý và lập ngân sách đầu tư tại Dai-ichi Life Nhật Bản. |

**6.2. Người điều hành Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bà Trần Thị Thu Hà,**Phó Giám đốc Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn*** * Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng của Trường Đại học khoa học Ứng dụng Tây Bắc Thụy Sỹ;
* Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Kinh nghiệm làm việc***Bà đã có hơn mười chín (19) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, trong đó hơn mười (10) năm làm việc trong lĩnh vực phân tích đầu tư các sản phẩm có thu nhập cố định của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. Bà gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam từ năm 2010 và hiện giữ cương vị Phó Giám đốc Đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư trái phiếu và công cụ tiền tệ tại Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, bà từng phụ trách mảng nghiên cứu, phân tích đầu tư cho Công ty Indochina Land, một quỹ đầu tư bất động sản tại Việt Nam.  |
| **Bà****Hồ Thị Mai Phương,**Phụ trách cao cấp Nghiệp vụ Quản lý Quỹ | ***Trình độ chuyên môn*** * Thạc sỹ Phân tích tài chính của Trường Đại học New South Wales, Sydney, Úc;
* Cử nhân Tài chính - Ngân hàng - Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh;
* Cử nhân Luật Kinh doanh - Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh;
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Kinh nghiệm làm việc***Bà đã có trên mười hai (12) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. Trong đó, có hơn bốn (04) năm kinh nghiệm và giữ chức vụ phụ trách nghiệp vụ quản lý quỹ của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, bà đã có tám (08) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phân tích đầu tư tại Văn phòng đại diện Tong Yang Asset Management Corp., trực thuộc Tong Yang Asset Management Corp. có trụ sở ở Hàn Quốc.  |

**6.3. Ban Đại diện Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ông Đỗ Hùng Việt**Chủ tịch | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư. Ông từng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSC”). Trước đó, ông đã từng giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc HSC và Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (“VASB”). Trước khi gia nhập HSC, ông đã có bốn (4) năm làm việc tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (“HIFU”) với vị trí Trưởng phòng ủy thác. |
| **Ông Huỳnh Văn Dũng**Thành viên | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán.Ông hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (“VAE”). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV.Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (“CPA”), là thành viên Hội Kiểm toán Hành nghề Việt Nam (“VACPA”), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam (“VAA”) và thành viên Hội tư vấn Thuế Việt Nam (“VTCA”).  |
| **Ông Nguyễn Gia Huy Chương**Thành viên | Ông đã có hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực: tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống (“F&B”), quản lý cảng, vận tải và viễn thông.Hiện tại, ông đang đóng vai trò là Luật sư điều hành của Global Vietnam Lawyers LLC (“GV Lawyers”), một công ty luật quốc tế được thành lập gần đây bởi một nhóm luật sư tận tâm và giàu kinh nghiệm, những người đã tạo dựng và đẩy mạnh sự nghiệp của mình tại các công ty luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, gần đây nhất, có Công ty luật Phước & Các Cộng sự (“Phuoc & Partners”). Ông đã có hơn 10 năm liên tục trong vai trò là Giám đốc và là Luật sư điều hành của Phuoc & Partners. Ông có bằng Thạc sĩ luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol Law School, Đại học UWE Bristol, UK; là thành viên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; thành viên Liên doanh Luật sư Việt Nam; và Thành viên Hội Luật sư Quốc tế (IBA). |

*Tp, Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2024*

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**

 **Trần Châu Danh**

 **TỔNG GIÁM ĐỐC**